



# CHIẾN LƯỢC SINH KẾ CỦA HỘ NÔNG DÂN VÙNG VEN THÀNH PHỐ HUẾ TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HOÁ

Nguyễn Quang Phục<sup>1,\*</sup>, Trần Anh Hà<sup>2</sup>, Hoàng Thị Trà Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Phạm Bảo Quý<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

<sup>2</sup> Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế, 06 Ngô Quyền, Huế, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: Nguyễn Quang Phục <ngphuc@hce.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 27-7-2025; Ngày chấp nhận đăng: 20-8-2025)

**Tóm tắt.** Nghiên cứu này sử dụng khung phân tích sinh kế bền vững để đánh giá chiến lược sinh kế của hộ nông dân vùng ven thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hoá. Kết quả nghiên cứu cho thấy chiến lược sinh kế hỗn hợp (hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp) là sự lựa chọn phổ biến và phù hợp với hộ nông dân vùng ven. Mặc dù diện tích đất nông nghiệp còn lại rất hạn chế, nhưng hầu hết hộ nông dân vẫn duy trì hoạt động sản xuất nông nghiệp như một hình thức “bảo hiểm sinh kế” trước những rủi ro từ thị trường lao động phi nông nghiệp. Điều này gợi ý cho chính quyền địa phương cần quan tâm đến vấn đề quy hoạch sử dụng đất và chính sách phát triển nông nghiệp ven đô trong tương lai.

**Từ khóa:** đô thị hoá, nông nghiệp ven đô, sinh kế bền vững, thu hồi đất

# Livelihood strategies of farming households in Hue's peri-urban areas in the context of urbanization

Nguyen Quang Phuc<sup>1,\*</sup>, Tran Anh Ha<sup>2</sup>, Hoang Thị Tra Huong<sup>1</sup>, Nguyen Pham Bao Quy<sup>1</sup>

<sup>1</sup>University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di, Hue, Vietnam

<sup>2</sup>University of Medicine and Pharmacy, Hue University, 06 Ngo Quyen, Hue, Vietnam

\* Correspondence to Nguyen Quang Phuc <nqphuc@hce.edu.vn>

(Received: July 27, 2025; Accepted: August 20, 2025)

**Abstract.** This study uses a sustainable livelihood analysis framework to assess the livelihood strategies of farming households in the peri-urban areas of Hue city in the context of urbanization. The results show that mixed livelihood strategies (agricultural and non-agricultural activities) are a popular and suitable choice for households in peri-urban areas. Although the remaining agricultural land area is very limited, almost all households still maintain agricultural activities as a form of "livelihood insurance" against risks from the non-agricultural labor markets. This suggests that local authorities need to pay more attention to the issue of land – use planning and policy of peri-urban agriculture development in the future.

**Keywords:** urbanization, peri-urban agriculture, sustainable livelihoods, land acquisition

## 1 Đặt vấn đề

Vùng ven đô (peri-urban) là sự kết hợp giữa hai từ peripheral (ngoại biên) và urban (đô thị). Cho đến nay, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm vùng ven đô, song có thể tóm lược một số điểm chung như sau: về khía cạnh địa lý, vùng ven đô là khu vực cận kề với thành phố. Vùng ven đô là nơi vừa có các hoạt động đặc trưng của nông thôn, vừa có các hoạt động mang tính chất thành thị [1, 2]. Vùng này không tồn tại độc lập mà nằm trong một miền liên thông nông thôn – ven đô – thành thị và chịu tác động mạnh mẽ bởi quá trình đô thị hoá [3].

Vùng ven đô dưới tác động của quá trình đô thị hoá tạo ra những thay đổi đáng kể về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường vừa ở cấp địa phương và vừa ở cấp hộ gia đình [4]. Trong đó, những thay đổi về sinh kế của hộ gia đình là một trong những vấn đề nổi cộm và cấp thiết đang thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều học giả, nhà nghiên cứu và cơ quan quản lý. Chiến lược sinh kế của hộ gia đình có thể khác nhau giữa các địa phương và giữa các nhóm xã hội. Điều này tùy thuộc vào đặc điểm của những tài sản sinh kế và những cơ hội mà họ đang có được, cũng như những rào cản và thách thức mà họ đang đối mặt. Sử dụng phương pháp tiếp cận sinh kế bền vững [5], nghiên cứu này được thực hiện tại các địa phương vùng ven thành phố Huế nhằm phân tích, đánh giá thực trạng nguồn vốn sinh kế, chiến lược sinh kế của hộ nông dân trong quá trình đô thị hoá; từ đó đưa ra những kết luận và một số hàm ý chính sách quan trọng góp phần

hạn chế tính dễ bị tổn thương và đảm bảo sinh kế bền vững cho hộ nông dân ở khu vực này trong những năm tiếp theo.

## 2 Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Sinh kế và chiến lược sinh kế

Sinh kế (Livelihoods) là những phương thức để duy trì cuộc sống, không đồng nghĩa với thu nhập, bởi vì nó phản ánh trực tiếp các cách thức (ways, means) mà con người tạo dựng cuộc sống của mình [6]. Sinh kế là sự kết hợp những khả năng, các nguồn vốn tài sản (vốn con người, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn xã hội, và vốn tự nhiên) và những hoạt động cần thiết để duy trì cuộc sống của một cá nhân hay hộ gia đình. Sinh kế được coi là bền vững khi có thể đương đầu và vượt qua những áp lực và sốc; đồng thời duy trì hoặc nâng cao khả năng cũng như tài sản ở cả hiện tại và tương lai, nhưng không gây ảnh hưởng đến nguồn lực tự nhiên [7]. Hiểu biết và đánh giá đúng cũng như biết kết hợp tối ưu các nguồn vốn sẽ góp phần tạo ra một chiến lược sinh kế phù hợp.

Chiến lược sinh kế là sự kết hợp các hoạt động nhằm tạo ra phương thức để duy trì sự tồn tại của hộ gia đình. Mục tiêu của chiến lược sinh kế là nhằm tăng thu nhập, tăng an sinh xã hội, giảm khả năng gây tổn thương, đảm bảo an ninh lương thực, và sử dụng bền vững hơn các nguồn lực tự nhiên. Việc phân tích, đánh giá chiến lược sinh kế của hộ nông dân vùng ven đô thành phố Huế trong bối cảnh gia tăng quá trình đô thị hóa sẽ góp phần quan trọng vào việc kịp thời giải quyết những vấn đề đang đặt ra liên quan sinh kế của hộ nông dân ở khu vực này.

### 2.2 Đô thị hoá và tác động của nó đến vùng ven đô

Đô thị hoá là một quá trình biến chuyển kinh tế – xã hội – văn hóa và không gian, gắn liền với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật của xã hội loài người, trong đó diễn ra sự phát triển nghề nghiệp mới, sự chuyển dịch cơ cấu lao động, sự chuyển dịch lối sống ngày càng văn minh hơn cùng với sự mở rộng không gian thành hệ thống đô thị, song song với việc tổ chức ranh giới hành chính lãnh thổ và quân sự. Ở những nước có trình độ phát triển kinh tế xã hội càng cao thì tỷ lệ đô thị hóa càng cao [8].

Đô thị hóa tạo ra những biến đổi mạnh mẽ về đời sống kinh tế – xã hội của cả khu vực đô thị, nông thôn và các vùng ven đô. Trong đó, khu vực ven đô được xem là nơi phản ánh rõ nét nhất những ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đối với nông thôn, là vùng đệm cho bước chuyển từ nông thôn sang thành thị. Những biến đổi có thể khác nhau đối với các nhóm xã hội và diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống như kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường [4].

- Về kinh tế, tác động dễ nhận thấy nhất của đô thị hóa đến kinh tế của vùng ven đô là việc chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp như xây dựng các khu đô thị mới, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp... Cơ cấu kinh tế của vùng ven đô

thường biến đổi theo hướng công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp sinh thái.

- Về xã hội, sự chuyển đổi lối sống từ nông thôn sang đô thị, từ thân phận nông dân sang thị dân đã dẫn đến những thay đổi trong hệ thống chuẩn mực văn hóa, từ đó làm biến đổi thái độ, hành vi và cách ứng xử của cư dân ven đô trong cả đời sống gia đình lẫn cộng đồng. Đồng thời, đô thị hóa cũng làm thay đổi cấu trúc các mối quan hệ xã hội của người dân ven đô.

- Về mặt văn hóa, văn hóa làng xã tại khu vực ven đô chịu ảnh hưởng sâu sắc từ quá trình đô thị hóa. Một số giá trị văn hóa truyền thống dần mai một, trong khi một số khác được bảo tồn hoặc chuyển hóa để thích ứng với môi trường mới.

- Về môi trường, quá trình đô thị hóa đã góp phần làm thay đổi nhanh chóng diện mạo của các đô thị và khu vực ven đô thông qua việc hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phát triển các khu dân cư hiện đại và tiện nghi hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những cải thiện về không gian sống, đô thị hóa cũng đồng thời gây ra sự suy thoái môi trường do áp lực gia tăng dân số, sự pha trộn trong lối sống, cơ sở hạ tầng không theo kịp nhu cầu, và năng lực quản lý đô thị còn hạn chế.

### 2.3 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng khung phân tích sinh kế bền vững được phát triển bởi cơ quan phát triển quốc tế của Anh (DFID). Khung sinh kế bền vững nhấn mạnh tầm quan trọng của các nguồn vốn, tài sản, thể chế, chính sách, chiến lược sinh kế, bối cảnh tổn thương và quá trình thay đổi của sinh kế. Đặc biệt, khung sinh kế bền vững xem xét mối tương quan của các yếu tố trong bối cảnh sinh kế bền vững.

Phương pháp chọn mẫu khảo sát với dung lượng 160 mẫu đã được thực hiện tại 4 địa phương bao gồm: Hương Sơ và Hương Long (Bắc sông Hương); Thủy Vân và Phú Thượng (Nam sông Hương). Hộ nông dân vùng ven được xác định là những hộ có một phần hoặc toàn bộ sinh kế dựa vào sản xuất nông nghiệp. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh để đánh giá tình hình đô thị hóa, sự thay đổi về khía cạnh tự nhiên, kinh tế và xã hội của các địa phương; và dùng để phân tích nguồn vốn sinh kế, chiến lược sinh kế của hộ nông dân vùng ven thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hoá.

## 3 Khái quát chung về địa bàn nghiên cứu

Huế là thành phố trực thuộc Trung ương, được biết đến như một thành phố di sản, một trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của Việt Nam. Trong những năm gần đây, quá trình mở rộng đô thị diễn ra rất mạnh mẽ với sự hoàn thiện hơn hệ thống cơ sở hạ tầng và xuất hiện nhiều khu đô thị mới như An Vân Dương, An Cựu City, Đông Nam Thủy An, Phú Mỹ Thượng, APEC An Vân Dương, EcoGarden, Royal Park. Đặc biệt là từ khi Huế được Ủy ban Thường vụ Quốc Hội phê duyệt cho phép mở rộng phạm vi thành phố từ 70 km<sup>2</sup> lên 265,99 km<sup>2</sup> [9] thì quá trình đô thị hóa vùng ven trở nên sôi động hơn.

Vùng ven đô, trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng 8 địa phương sau hội tụ đủ các đặc trưng của vùng ven đô thị – nơi mà quá trình đô thị hoá đang diễn ra sôi động nhất, bao gồm: Hương Long, Kim Long, Hương Sơ, Hương Vinh (Bắc sông Hương); Thuỷ Xuân, Thuỷ Biều, Thuỷ Vân, Phú Thượng (Nam sông Hương). Trước hết, sự thay đổi về cơ sở hạ tầng và không gian lưu trú ở các địa phương ven đô là một trong những chuyển đổi mạnh mẽ nhất dưới tác động của đô thị hoá. Quy mô và mật độ dân số ở khu vực này cũng trở nên đông đúc. Năm 2013, tổng dân số các địa phương vùng ven Huế chỉ là 90.227 người, nhưng đã tăng lên 117.273 người trong vòng 10 năm sau. Việc cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và đổi mới thể chế góp phần tăng số lượng doanh nghiệp được thành lập mới hoặc có trụ sở chính tại khu vực ven đô, từ 539 doanh nghiệp năm 2010 lên gần 1000 doanh nghiệp năm 2024. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho người dân nơi đây.

## **4 Các nguồn lực sinh kế của nguồn lực sinh kế của hộ nông dân vùng ven thành phố Huế**

### **4.1 Nguồn vốn con người**

Nguồn vốn con người bao gồm các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm, khả năng lao động, sức khỏe, trình độ giáo dục. Những yếu tố này, theo quan điểm của DFID, giúp con người lựa chọn và thực hiện các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được các kết quả sinh kế khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy, độ tuổi bình quân của chủ các hộ gia đình nông dân vùng ven thành phố Huế khá cao, 65,6% số người được khảo sát đều trên 50 tuổi. Ngoài ra, hơn 50% số chủ hộ có trình độ tiểu học, chỉ 33,8% có trình độ trung học cơ sở. Các hộ nông dân có số lượng lao động dồi dào, bình quân 3 lao động/hộ, có cơ cấu nghề nghiệp khá đa dạng, lao động nông nghiệp chiếm 43,4% trong tổng số lao động của gia đình. Điều này cho thấy, mặc dù cơ hội việc làm phi nông ở khu vực ven đô và trung tâm đô thị rất dồi dào nhưng phần lớn các hộ gia đình vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp.

### **4.2 Nguồn vốn tự nhiên**

Quá trình mở rộng đô thị đã thu hồi một diện tích lớn đất nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng giao thông, các khu đô thị mới, các khu tái định cư và không gian công cộng... Trong số các địa phương ven đô thì Thuỷ Vân và Hương Sơ là những khu vực có tốc độ đô thị hoá nhanh nhất. Số liệu ở Bảng 1 cho thấy 66,9% số hộ được khảo sát xác nhận rằng đất đai của họ bị thu hồi (một phần) cho quá trình đô thị hoá, do đó diện tích đất nông nghiệp của các hộ nông dân vùng ven là khá thấp, bình quân 1.634 m<sup>2</sup>/hộ.

**Bảng 1.** Nguồn vốn tự nhiên của các hộ nông dân vùng ven thành phố Huế

Chỉ tiêu	ĐVT	Hương Sơ	Hương Long	Thuỷ Vân	Phú Thượng	Trung bình cộng
1. Thu hồi đất nông nghiệp						
- Bị thu hồi	%	75,0	30,0	35,0	67,5	66,9
- Không bị thu hồi		25,0	60,0	65,0	32,5	33,1
2. Đất nông nghiệp						
- Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi	m <sup>2</sup>	665	1.479	1.378	1.361	1.221
- Diện tích đất nông nghiệp hiện tại		2.290	1.308	1.882	1.056	1.634

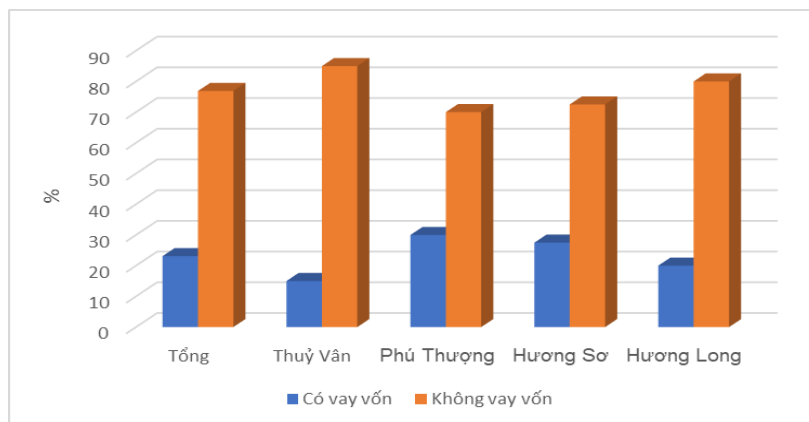
Nguồn: Số liệu khảo sát 2023

#### 4.3 Nguồn vốn vật chất

Thực tế cho thấy hệ thống giao thông ở các địa phương ven đô khá đồng bộ, kết nối giữa khu dân cư cũ và khu đô thị mới, kết nối giữa vùng ven đô và vùng trung tâm thành phố cũng như các vùng khác. Điều này tạo thuận lợi cho người dân trong việc di chuyển, tổ chức sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hoá. Ngoài ra, hơn 24% số tiền đền bù do thu hồi đất đai được các hộ đầu tư sửa chữa nhà cửa, 22,4% mua sắm nội thất gia đình, 16,6% sửa chữa các phương tiện đi lại. Điều này góp phần đáng kể giúp cải thiện điều kiện vật chất hay nói cách khác là góp phần làm mạnh hơn nguồn vốn vật chất của hộ nông dân.

#### 4.4 Nguồn vốn tài chính

Đô thị hoá cũng làm cho thị trường bất động sản ở khu vực ven đô trở nên rất sôi động. Giá đất ở nhiều địa phương tăng lên chóng mặt, bình quân từ 10 đến 15 triệu đồng/m<sup>2</sup>, có nơi đạt 25 đến 30 triệu đồng/m<sup>2</sup>.



**Hình 1:** Tình hình tiếp cận nguồn vốn tài chính của các hộ gia đình

Kết quả khảo sát cho thấy trong 10 năm trở lại đây có 46 hộ gia đình (28,7%) bán đất ở với những mức độ khác nhau. Đây được xem là dòng vốn tài chính quan trọng góp phần tạo ra những thay đổi ở những nguồn vốn khác. Bên cạnh dòng vốn tài chính xuất phát từ bất động sản, Hình 1 cho thấy 23,1% số hộ được khảo sát có tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng như ngân hàng, quỹ tín dụng hoặc từ người thân để đầu tư vào các hoạt động sinh kế.

#### 4.5 Nguồn vốn xã hội

Số liệu khảo sát cho thấy, cách đây 5 năm, có đến 78,1% số hộ cho rằng các mối quan hệ xã hội trong đời sống hàng ngày và trong sản xuất kinh doanh chủ yếu trong phạm vi xã, phường; 21,9% số hộ có các mối quan hệ xã hội trong phạm vi huyện. Hiện tại, có đến 44,4% số hộ có các mối quan hệ xã hội trong phạm vi huyện; đặc biệt gần 7% số hộ được khảo sát có mối quan hệ xã hội trong phạm vi tỉnh và liên tỉnh. Điều này cho thấy, đô thị hoá và những yêu cầu trong chuyển đổi nghề nghiệp đã thúc đẩy người dân vùng ven chủ động mở rộng nguồn vốn xã hội nhằm thích ứng tốt hơn với sự biến đổi đa chiều nhưng năng động ở khu vực này.

## 5 Chiến lược sinh kế của hộ nông dân vùng ven thành phố Huế

Kết quả khảo sát cho thấy có hai loại chiến lược sinh kế chính được các hộ nông dân vùng ven thành phố Huế sử dụng để thích ứng với quá trình đô thị hóa, đó là: chiến lược sinh kế dựa vào nông nghiệp và chiến lược sinh kế hỗn hợp.

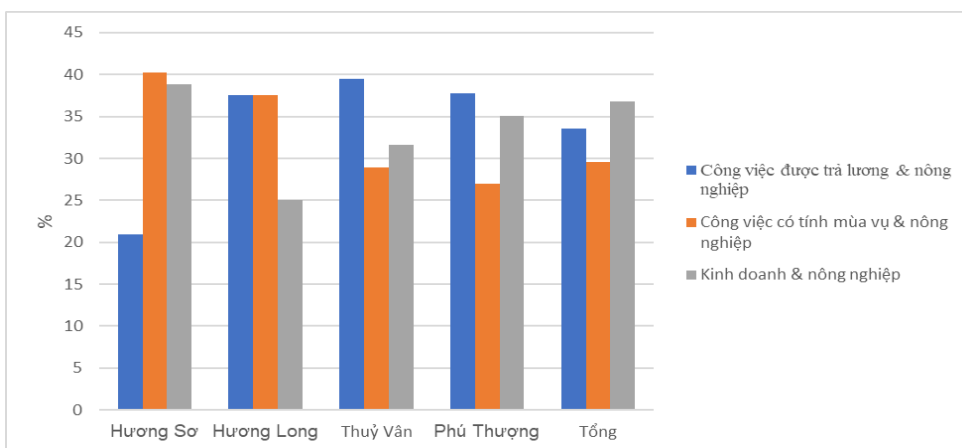
### 5.1 Chiến lược sinh kế dựa vào nông nghiệp

Trong số 160 hộ nông dân được khảo sát, có 8 hộ (5%) duy trì chiến lược sinh kế dựa hoàn toàn vào hoạt động nông nghiệp. Chủ hộ có độ tuổi khá lớn (100% trên 50 tuổi) và trình độ học vấn thấp, hạn chế khả năng chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp còn lại trung bình sau khi thu hồi là 1.680 m<sup>2</sup>, không đủ để đảm bảo sinh kế nếu chỉ dựa

vào nghề nông. Do đó, một số hộ đã thuê thêm đất nông nghiệp để kết hợp trồng lúa, rau và chăn nuôi. Tuy nhiên, lợi ích từ việc làm nông nghiệp là rất hạn chế. Ngoài ra, dưới tác động của quá trình đô thị hoá, luôn có cả người được lợi và người ít hưởng lợi. Trong số tám hộ gia đình được phỏng vấn, bốn hộ có vốn con người tốt hơn (trình độ học vấn và lao động cao hơn) và đa dạng hóa các hoạt động nông nghiệp (sản xuất lúa gạo, rau và chăn nuôi) để giảm thiểu rủi ro thì có kết quả sinh kế tốt hơn. Ngược lại, chủ hộ là những người già, góa bụa và trình độ học vấn hạn chế là những người dễ bị tổn thương hơn.

### 5.2 Chiến lược sinh kế hỗn hợp

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng 95% hộ nông dân được khảo sát ở khu vực ven đô thành phố Huế chọn sinh kế hỗn hợp trên cơ sở kết hợp hoạt động nông nghiệp với phi nông nghiệp, đặc biệt là ở Hương Long và Thủy Vân – nơi mà đất nông nghiệp còn dồi dào. Đây là những hộ có chủ hộ lớn tuổi (63,7% chủ hộ trên 50 tuổi), phần lớn bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất nông nghiệp (65%). Nguồn nhân lực dồi dào, trung bình mỗi hộ có 5,2 người và khoảng 3,1 lao động, phản ánh khả năng tham gia vào quá trình đa dạng hóa sinh kế. Mặc dù là chiến lược sinh kế hỗn hợp nhưng có đến ba nhóm chiến lược sinh kế khác nhau được nhóm hộ này lựa chọn để phù hợp hơn với các loại tài sản sinh kế hiện có cũng như phù hợp hơn với bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội của từng địa phương.



**Hình 2:** Đa dạng hoá trong chiến lược sinh kế hỗn hợp của các hộ khảo sát

- Kết hợp công việc được trả lương với nông nghiệp: Có đến 33,6% số hộ lựa chọn chiến lược kết hợp công việc được trả lương với nông nghiệp. Nhóm này có đến 3 chủ hộ có trình độ cao đẳng và đại học, có nguồn lực lao động dồi dào (bình quân 3,43 người/hộ), lao động phi nông nghiệp chiếm hơn 2/3 tổng lao động của hộ. Có 4 hộ thuê thêm đất nông nghiệp để canh tác (trồng lúa nước và rau màu), bình quân thuê 2.937 m<sup>2</sup>/hộ. Với lợi thế về nguồn vốn con người, nhóm hộ này đầu tư khoảng 45% tiền bồi thường vào các hoạt động tạo thu nhập như trả tiền thuê đất nông



nghiệp, đầu tư phân bón, nâng cao trình độ tay nghề... phần còn lại được đầu tư cho nhà ở và vật dụng gia đình.

- Kết hợp lao động mùa vụ với nông nghiệp: Chiến lược sinh kế này được đặc trưng bởi những hộ gia đình phần lớn có sinh kế phụ thuộc vào công việc mùa vụ, có tính chất tạm thời, lương thấp và ít đòi hỏi trình độ học vấn. Nam giới thường làm thợ xây, phụ nữ kết hợp nội trợ, đan lát, làm nón lá với các hoạt động nông nghiệp. Đặc điểm nổi bật của nhóm hộ này là có nguồn vốn con người rất dồi dào với quy mô nhân khẩu và lao động cao nhất trong ba nhóm theo đuổi chiến lược sinh kế hỗn hợp, bình quân 5,31 người/hộ và 3,43 lao động/hộ. Có 30/51 hộ bị thu hồi đất (chiếm 58,8%), bình quân mỗi hộ bị thu hồi 1.405 m<sup>2</sup>, cao hơn hai nhóm hộ còn lại. Việc làm và thu nhập thiếu tính ổn định trong khi đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp hoặc khó tiếp cận, vấn đề đặt ra ở đây là liệu sinh kế của nhóm hộ này có đem lại một kết quả sinh kế bền vững hay không.

- Kết hợp kinh doanh nhỏ với nông nghiệp: Hoạt động kinh doanh (buôn bán và dịch vụ) bao gồm bán tạp hoá, bán hàng ăn uống, cho thuê phòng trọ, tiệm bán trái cây, ... thường có quy mô nhỏ và đang trở thành một lựa chọn sinh kế chủ yếu của nhiều hộ nông dân ở hầu hết các địa phương được chọn khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy có 56 hộ trong tổng số 152 hộ (chiếm 36,8%) lựa chọn chiến lược sinh kế này, trong đó Hương Sơ có 21 hộ (chiếm 38,8%), tiếp đến là Phú Thượng có 13 hộ (chiếm 23,2%), Thủy Vân có 12 hộ (chiếm 21,4%) và Hương Long có 10 hộ (chiếm 17,8%). Điều này cho thấy đô thị hoá đã tạo động lực để người nông dân chuyển đổi nghề nghiệp từ nông nghiệp sang kinh doanh dịch vụ ngay chính nơi họ sinh sống - điều mà họ trước đây chưa từng nghĩ đến thì nay họ đã coi trọng các ngành nghề dịch vụ, buôn bán nhỏ tại địa phương và xem đây là một loại hình sinh kế quan trọng đối với họ trong thời điểm hiện tại và tương lai. Nếu như người dân địa phương làm chủ các cửa hàng tạp hoá, quán ăn vỉa hè hay lô tạp hoá ở các chợ thì đa số các cửa hàng ăn uống có quy mô vừa như nhà hàng hay quán cà phê có máy lạnh với wifi miễn phí, tiệm trà sữa, shop hoa tươi, ... thì do người dân nhập cư (cư dân mới) làm chủ. Mặc dù việc làm và thu nhập ổn định nhưng nhiều gia đình vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp trên mảnh ruộng còn lại của mình, một mặt là để duy trì sinh kế truyền thống nhưng mặt khác là để đảm bảo tự cung tự cấp về lương thực cho gia đình - như một bảo hiểm sinh kế để ứng phó với những rủi ro do quá trình kinh doanh và dịch vụ có thể đem lại.

## 6 Kết luận và một số hàm ý chính sách

Đô thị hoá cùng với thu hồi đất đai ở vùng ven đã làm giảm mạnh diện tích đất nông nghiệp (nguồn vốn tự nhiên) dẫn đến những thay đổi đáng kể về các nguồn vốn sinh kế khác (nguồn vốn tài chính, nguồn vốn xã hội) và thay đổi cơ cấu kinh tế hộ nông dân. Cơ cấu kinh tế và lao động chuyển dịch mạnh mẽ, từ chỗ chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang các hoạt động phi nông nghiệp như thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp. Xu hướng này hoàn toàn trùng khớp với những kết luận được chỉ ra trong các nghiên cứu gần đây ở Hà Nội và Nam Định.

Chiến lược sinh kế hỗn hợp được xem là lựa chọn phổ biến và phù hợp đối với các hộ nông dân vùng ven. Trong bối cảnh diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp và nhiều cơ hội việc làm phi nông nghiệp xuất hiện, việc kết hợp giữa hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp đã trở thành hướng đi chính của 95% số hộ được khảo sát. Điều này thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt của người dân vùng ven trước tác động của quá trình đô thị hóa, đồng thời giúp họ tăng cường khả năng chống chịu và giảm tính dễ bị tổn thương. Quá trình thích ứng này được hỗ trợ bởi nhiều nguồn lực sinh kế, bao gồm: vốn con người (lực lượng lao động dồi dào), vốn vật chất (sự cải thiện về cơ sở hạ tầng), vốn tài chính (nguồn tiền đền bù, giá trị đất gia tăng, khả năng tiếp cận tín dụng), và vốn xã hội (mạng lưới quan hệ ngày càng mở rộng).

Nông nghiệp tiếp tục đóng vai trò như một "tấm bảo hiểm sinh kế" quan trọng đối với các hộ nông dân. Dù quỹ đất nông nghiệp hiện nay còn rất hạn chế, nhưng tất cả các hộ được khảo sát vẫn duy trì hoạt động sản xuất nông nghiệp, toàn phần hoặc bán phần, như một giải pháp bảo vệ sinh kế trước những rủi ro từ thị trường lao động phi nông nghiệp. Điều này cho thấy chính quyền địa phương cần chú trọng hơn đến các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp vùng ven đô, không chỉ nhằm góp phần đảm bảo nguồn cung lương thực mà còn để duy trì sinh kế bền vững cho người dân. Bên cạnh đó, cần có sự quan tâm, nghiên cứu và đầu tư thử nghiệm các mô hình nông nghiệp đô thị gắn với du lịch sinh thái hoặc du lịch trải nghiệm tại những khu vực phù hợp, làm cơ sở cho việc nhân rộng sau này.

### **Lời cảm ơn**

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Đại học Huế và Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế đã tài trợ kinh phí để thực hiện thông qua Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Huế với mã số DHH 2023-06-131.

### Tài liệu tham khảo

1. McGee, T. G. (1991), The emergence of Desakota regions in Asia: Expanding a hypothesis, In: Ginsburg, N., Koppel, B., and McGee, T.G. (Eds), *The extended metropolis: Settlement transition in Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu.
2. Đào Thế Anh và CS. (2019), *Phát triển nông nghiệp ven đô bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp.
3. Nguyễn Hữu Minh và CS (2005), Biến đổi kinh tế – xã hội vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa, *Tạp chí Xã hội học*, Số 1 (89): 56–65.
4. Nguyễn Duy Thắng (2009), Tác động của đô thị hoá đến các mặt kinh tế – xã hội của vùng ven đô và những vấn đề cần quan tâm, *Tạp chí xã hội học*, 1, 80–86.
5. DFID (2001), *Sustainable Livelihood Guidance Sheets*, London: Department for International Development.
6. Ellis F. (2000), *Rural Livelihoods and Diversity in Developing Countries*, Oxford University Press.
7. Chambers and Conway (1991), Sustainable rural livelihoods: Practical concepts for the 21<sup>st</sup> century, *Discussion Paper No 296*, Brighton: IDS.
8. Đàm Trung Phồng (1995), *Đô thị Việt Nam*, Tập I và II, Nxb. Xây dựng.
9. Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (2021), *Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế*.